

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH HÀ NAM**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12/8/2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Trần Anh Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Hiền và ông Chu Minh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Như Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Tình – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12/8/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 13/2022/TLST – HNGĐ ngày 17/5/2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15/7/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1982; Nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn M, sinh năm 1983; nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam.

(Có mặt chị T; vắng mặt anh M).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/01/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Hoàng Thị T trình bày:

*** Về hôn nhân:** Chị và anh Hoàng Văn M tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 29/12/2004 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến cuối năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh M ham chơi không chịu làm ăn dẫn đến kinh tế gia đình ngày một khó khăn. Chị và gia đình chồng nhiều lần khuyên bảo anh M nhưng

anh M không những không sửa chữa mà còn mỗi lần đi chơi uống rượu về lại đánh đuổi chị ra khỏi nhà. Đến tháng 02/2021 do không chịu được sự ngược đãi của anh M nên chị cùng con gái đầu thuê nhà ra ở riêng; từ đó vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh M không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M để sớm ổn định cuộc sống.

*** Về con chung:** Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Hoàng Thị Như Y, sinh ngày 19/11/2005 và cháu Hoàng Yến N, sinh ngày 10/9/2011; hiện cháu Y đang ở với chị, cháu N đang ở với anh M. Ly hôn chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Y, để anh M tiếp tục nuôi dưỡng cháu N; anh chị không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

*** Về tài sản (bao gồm: Tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng):** Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Về trợ cấp khó khăn sau ly hôn:** Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - anh Hoàng Văn M trăn bụy:

*** Về hôn nhân:** Anh và chị Hoàng Thị T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 29/12/2004 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được khoảng 16 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do kinh tế gia đình khó khăn; vợ chồng xảy ra cãi chửi nhau. Từ tháng 02/2021 chị T bỏ đi không chung sống cùng anh. Nay chị T kiện ly hôn; anh xác định anh vẫn còn tình cảm với chị T nên không đồng ý ly hôn.

*** Về con chung:** Anh xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Hoàng Thị Như Y, sinh ngày 19/11/2005 và cháu Hoàng Yến N, sinh ngày 10/9/2011; hiện hai cháu đang ở với anh. Ly hôn anh đề nghị được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu chị T phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Anh xác định hiện anh làm nghề thợ xây, thu nhập mỗi tháng khoảng từ 08 đến 10 triệu đồng.

*** Về tài sản (bao gồm: Tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng):** Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Về trợ cấp khó khăn sau ly hôn:** Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên quan điểm như đã trình bày; cụ thể: Chị đề nghị được ly hôn anh M. Ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi cháu Y; để anh M tiếp tục nuôi cháu N; anh chị không phải góp tiền cấp nuôi con cho nhau. Về tài sản, chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị xác định việc anh Mạnh không tham gia giải quyết việc chị kiện ly hôn tại Tòa án là cố tình nhằm gây khó khăn cho chị trong việc ly hôn, do vậy chị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết việc anh M vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện B có quan điểm:

* Về tố tụng, TAND huyện B thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; quá trình giải quyết vụ án tại toà và xét xử tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội khóa 13 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hoàng Thị T. Xử cho chị Hoàng Thị T ly hôn anh Hoàng Văn M.

- Về con chung: Giao cháu Hoàng Thị Như Y, sinh ngày 19/11/2005 cho chị Hoàng Thị T nuôi dưỡng. Giao cháu Hoàng Yến N, sinh ngày 10/9/2011 cho anh Hoàng Văn M nuôi dưỡng. Chị T, anh M không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Hoàng Thị T phải nộp 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

I. Về tố tụng: Hội đồng xét xử thấy đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”; bị đơn – anh Hoàng Văn M đăng ký HKTT và cư trú tại Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam do vậy Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Xét thấy anh M đã nhận Thông báo thụ lý vụ án và đã được Tòa án lấy lời khai; tuy nhiên sau đó anh M không có mặt để tham gia giải quyết vụ án tại Tòa án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh M là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

II. Về giải quyết vụ án:

[1] Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Văn M tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 29/12/2004 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị T, anh M chung sống đến cuối năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn; từ tháng 02/2021 đến nay anh chị sống ly thân.

Tại buổi làm việc với Tòa án ngày 20/5/2022; chính quyền xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam cung cấp: Sau khi kết hôn, vợ chồng chị T, anh M chung sống đến cuối năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh M ham chơi; mỗi lần uống rượu về lại chửi bới, đánh, đuổi chị T; có lần chính quyền địa phương

phải đến can thiệp. Khi chị T làm thủ tục kiện ly hôn anh M; chính quyền cũng đã động viên hòa giải để anh chị về đoàn tụ nhưng không thành.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù anh M xác định vẫn còn tình cảm với chị T, không đồng ý ly hôn nhưng anh M lại cố tình không tham gia giải quyết tại tòa án để vợ chồng có điều kiện gặp gỡ trao đổi nhằm khắc phục mâu thuẫn. Việc làm này của anh M thể hiện sự bỏ mặc và gây khó khăn cho chị T trong việc giải quyết ly hôn. Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị T luôn có quan điểm mong muốn được ly hôn anh M. Xét trên thực tế anh chị đã chấm dứt cuộc sống chung nên khả năng chị T, anh M đoàn tụ về chung sống là không còn; Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị T; xử cho chị T ly hôn anh M là phù hợp với thực tế, đúng quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Văn M có 02 con chung là cháu Hoàng Thị Như Y, sinh ngày 19/11/2005 và cháu Hoàng Yến N, sinh ngày 10/9/2011; hiện cháu Y đang ở với chị T, cháu N đang ở với anh M. Hội đồng xét xử thấy rằng cháu Y, cháu N đã lớn và có nguyện vọng được ở với bố mẹ như hiện tại. Xét đề nghị của chị T phù hợp với thực tế và nguyện vọng của các con nên chấp nhận; giao chị T nuôi dưỡng cháu Y, giao anh M nuôi dưỡng cháu N; chị T, anh M không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[3] Về tài sản (bao gồm: Tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng); trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Do chị T, anh M không đề nghị giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không giải quyết vấn đề này. Nếu sau này chị T, anh M xảy ra tranh chấp về tài sản thì có quyền khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[4] Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội khóa 13 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

1. Xử cho chị Hoàng Thị T ly hôn anh Hoàng Văn M.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Thị Như Y, sinh ngày 19/11/2005 cho chị Hoàng Thị T nuôi dưỡng. Giao cháu Hoàng Yến N, sinh ngày 10/9/2011 cho

anh Hoàng Văn M nuôi dưỡng. Chị T, anh M không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Chị T, anh M và các thành viên gia đình không được cản trở anh M, chị T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Như Y và cháu Yến N.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Hoàng Thị T phải nộp 300.000 đồng.

Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm mà chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Lục theo biên lai số AA/2021/0000462 ngày 17/5/2022 thành án phí ly hôn sơ thẩm mà chị T phải chịu. (*Chị T đã thi hành xong án phí ly hôn sơ thẩm*).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho chị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho anh M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã T, huyện , tỉnh Hà Nam.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã T huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Đặng Trần Anh Dũng
(Đã ký)